

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2025/DS-ST

Ngày: 07-8-2025

V/v: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đích và bà Vũ Thị Lệ Thủy.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Bích Hậu - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**; địa chỉ trụ sở chính: Số B N, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số: 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024): Ông Phạm Trọng N - Trưởng Phòng giao dịch.

Người đại diện theo ủy quyền lại (theo Giấy ủy quyền số: 28/2025/UQ-CSKH ngày 18/6/2025): Ông Bùi Phước T, sinh năm 1996; địa chỉ: Số B N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1996; địa chỉ: 5 N, tổ F, phường A, TP .. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 15/5/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn ông Bùi Phước T trình bày:*

Ngày 23/07/2018, ông Nguyễn Văn T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Văn T1, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn: 2.767 %/tháng. Lãi suất quá hạn: 4.1505 %/tháng (2.767% x 150%).

VS payWave Cre Classic 472074-4446.

Sau khi được cấp tín dụng ông Nguyễn Văn T1 đã thực hiện 56 giao dịch với tổng số tiền là 1.062.532.035 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay ông Nguyễn Văn T1 đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 1.055.937.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Sau thời gian sử dụng, ông Nguyễn Văn T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/01/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Nguyễn Văn T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 07/8/2025, ông Nguyễn Văn T1 còn nợ ngân hàng các khoản sau: Dư nợ: 21.511.385 đồng; Lãi quá hạn: 5.831.000 đồng. Tổng cộng: 27.342.385 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Nguyễn Văn T1 vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T1 phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc; nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2025 là: 27.342.385 đồng. Trong đó: Dư nợ: 21.511.385 đồng; Lãi quá hạn: 5.831.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/7/2018.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông T1 trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.*

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016. Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*” của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Văn T1.

Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 27.342.385 đồng. Trong đó: Dư nợ: 21.511.385 đồng; Lãi quá hạn: 5.831.000 đồng (lãi tạm tính đến ngày 07/8/2025) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/7/2018.

*** Về chứng cứ:**

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/7/2018.

Những tình tiết các bên thống nhất: Không có.

Những tình tiết các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Văn T1 là *tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2]. Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, G đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/7/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Văn T1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 23/01/2025, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T1 và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng. Như vậy, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/7/2018. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả số tiền: 27.342.385 đồng. Trong đó: Dư nợ: 21.511.385 đồng; Lãi quá hạn: 5.831.000 đồng, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/8/2025 là phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 08/8/2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/7/2018 cho đến khi ông T1 thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[3]. Về án phí DS-ST: Ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 27.342.385 đồng, tương ứng 1.367.119 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*” của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Văn T1.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 27.342.385 đồng (*Hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm tám mươi lăm đồng*). Trong đó: Dư nợ: 21.511.385 đồng; Lãi quá hạn: 5.831.000 đồng (lãi tạm tính đến ngày 07/8/2025) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/7/2018.

2. Án phí DS- ST: 1.367.119 đồng (*Một triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm mười chín đồng*) ông Nguyễn Văn T1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 613.647 đồng (*Sáu trăm mười ba ngàn sáu trăm bốn mươi bảy đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008020 ngày 23/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng - nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Đà Nẵng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận (*hoặc niêm yết*) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Dương sự;
- Viện KSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đông Thanh

